

Bộ kẹp song song HEPP-42-56-EC-B

Số bộ phận: 8146657

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	42
Tổng hành trình	56 mm
Hành trình trên mỗi hàm kẹp	28 mm
Khe chậu kẹp tối đa Sz	0.35 mm
Độ chính xác lặp lại kẹp	0.01 mm
Số chậu kẹp	2
Loại bộ truyền động	điện
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Kiểu vận hành bộ điều khiển	hoạt động nội suy thông qua fieldbus
Chức năng kẹp	Song song
Cấu trúc xây dựng	Đai răng máy kẹp điện có phanh với vít me bi
Dẫn hướng	Dẫn hướng con lăn
Phát hiện vị trí	Bộ mã hóa động cơ
Hỗ trợ cấu hình	Tập ESI
Các biến thể	Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, băng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.
Chỉ báo sẵn sàng	Đèn LED
Tốc độ định vị trên mỗi ngón tay kẹp	50 mm/s
Gia tốc định vị trên mỗi ngón tay kẹp	1 m/s ²
Tốc độ kẹp trên mỗi ngón tay kẹp	3 mm/s
Số lượng địa chỉ MAC	4
Tiêu thụ điện tối đa	4000 mA
Tiêu thụ điện tối đa của tải	3 A
Logic tiêu thụ dòng điện tối đa	1 A
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Điện áp định mức nguồn cấp logic DC	24 V
Điện áp danh nghĩa Nguồn cung cấp tải DC	24 V
Dòng điện danh định động cơ	5 A
Được phép Tải khu vực cung cấp	± 10 %

Đặc tính	Giá trị
Phạm vi điện áp logic cho phép	± 10 %
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vòng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Các kim loại có hơn 1% đồng, kẽm hoặc niken không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối điện và cuộn dây
Loại phòng sạch	Loại 6 theo ISO 14644-1
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ giá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
Độ ẩm tương đối	0 - 95 % không cô đặc
Mức áp suất âm thanh	60 dB(A)
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Tổng lực kẹp	680 N
Phạm vi lực kẹp trên mỗi hàm kẹp	340 N
Mô-men quán tính khối lượng	85 kgcm ²
Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh	1100 N
Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh	13.9 Nm
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh	38.5 Nm
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh	13.9 Nm
Mô-men xoắn danh nghĩa	0.185 Nm
Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng	1 MioCyc
trọng lượng sản phẩm	2600 g
Giao diện giao tiếp	CiA402 EoE (Ethernet over EtherCAT) FoE (File over EtherCAT)
Giao diện Fieldbus, loại kết nối	Ổ cắm
Giao diện fieldbus, công nghệ kết nối	M12x1, D-được mã hóa theo EN 61076-2-101
Giao diện Fieldbus, số lượng chân / dây	4
Giao diện fieldbus, giao thức	EtherCAT
Cổng nối điện	2x M12
Khớp nối fieldbus	EtherCAT
Kiểu gắn	với ren trong và vòng măng xông
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	Nhôm anot hóa
Hàm kẹp vật liệu	Thép